TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2
ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 282/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 14-7-2026.
V/v tranh chấp: "Ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – ĐỒNG THÁP

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Trung Hiếu.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Văn Hoa.
2. Ông Ngô Văn Bi.
- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Huỳnh Thanh Tùng – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 tham gia phiên tòa: Ông Đoàn Khắc Huy – Kiểm sát viên.
Trong ngày 14 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 564/2026/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2026, về việc tranh chấp: "Ly hôn, nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 313/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 298/2026/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1996.
Căn cước công dân số 02196013167, cấp ngày 09/8/2021.
Địa chỉ: Số A M, khu phố F, phường L, tỉnh Đồng Tháp.
(nay là Số A M, khu phố D, phường L, tỉnh Đồng Tháp)
- Bị đơn: Nguyễn Hồng N, sinh năm 1985.
Căn cước công dân số 082085001492, cấp ngày 06/01/2022.
Địa chỉ: ấp B, xã P, tỉnh Đồng Tháp

(Chị T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; anh N vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; theo đơn ly hôn và bản tự khai, chị T trình bày:
Về hôn nhân: Năm 2024, chị T sống chung với anh N, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang (nay là xã P, tỉnh Đồng Tháp). Do bất đồng quan điểm sống, chị T ly thân anh Nhân từ tháng 3/2025. Nay chị T yêu cầu ly hôn anh N.
Về con chung: Chị T với anh N có 01 con chung tên là Nguyễn Kim N1, sinh ngày 22/3/2025. Chị T yêu cầu tiếp tục, trực tiếp nuôi dưỡng cháu N1. Chị T

yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi cháu N1 mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi cháu N1 tròn 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

* Tại phiên tòa, cũng như trong các lần mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, bị đơn anh Nguyễn Hồng N vắng mặt không rõ lý do, cũng không có văn bản thể hiện ý kiến.

* Ý kiến, đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, đương sự thực hiện đúng trình tự, quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án:

+ Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị T yêu cầu ly hôn anh N.

+ Về con chung: Giao cháu Nguyễn Kim N1, sinh ngày 22/3/2025 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng; anh N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu N1 mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi cháu N1 tròn 18 tuổi.

+ Về án phí: Giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Căn cứ, giải quyết theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Chị T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, anh N đã được tống đạt các văn bản tố tụng, giấy triệu tập tham gia phiên tòa đúng theo quy định pháp luật, nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Theo lời trình bày và yêu cầu của đương sự, xét thấy:

- Về hôn nhân: Năm 2024, chị T sống chung với anh N, có đăng ký kết hôn. Do bất đồng quan điểm sống, chị T ly thân anh Nhân từ tháng 3/2025. Trong các lần mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải và tại phiên tòa, anh N vắng mặt không rõ lý do, cũng không có văn bản thể hiện ý kiến; chứng tỏ anh N không còn quan tâm đến cuộc sống hôn nhân giữa anh với chị T. Chị T yêu cầu ly hôn anh N là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; nên chấp nhận.

- Về con chung: Chị T với anh N có 01 con chung tên là Nguyễn Kim N1, sinh ngày 22/3/2025 đang sống chung với chị T. Do đó chị T yêu cầu tiếp tục, trực tiếp nuôi dưỡng cháu N1 là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình; nên chấp nhận. Anh N được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi cháu N1 mỗi tháng 2.000.000 đồng là có căn cứ; nên chấp nhận.

- Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

[4] Về án phí: Chị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[5] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ; nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: - Các Điều 51, 56, 57, 58 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Điều 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Thanh T.

1. Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Thanh T ly hôn anh Nguyễn Hồng N.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Kim N1, sinh ngày 22/3/2025 cho chị T tiếp tục, trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh N được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn Hồng N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Kim N1 mỗi tháng 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng); thời gian cấp dưỡng tính từ ngày án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu N1 tròn 18 tuổi .

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên có nghĩa vụ chậm trả số tiền nêu trên thì phải trả lãi phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

4. Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

5. Về án phí:

+ Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai số 0011784 ngày 21/5/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp, nên chị T đã nộp xong án phí.

+ Anh N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được tống đạt hợp lệ hoặc niêm yết công khai bản án.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND khu vực 2;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- UBND xã Phú Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Lê Trung Hiếu